

Bản án số: 55/2019/HS-ST  
Ngày: 26-9-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH - TỈNH BÌNH THUẬN**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Tấn Sinh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Bà Nguyễn Thị Phương Dung.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Hoàng Bảo Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thụy Mỹ Tuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BB, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2019/TLST-HS, ngày 29 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST-HS, ngày 11 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

**Lê Văn T** (Tên gọi khác: TA), sinh ngày 02/02/1981 tại tỉnh Bình Thuận.

Nơi cư trú: Thôn LX, xã SB, huyện BB, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Lớp 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê N và bà Phạm Thị N; bị cáo chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị T và có 02 con chung; bị cáo chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị Thu H có 01 con chung; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 26/7/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xử phạt 07 năm tù về tội: “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt và về địa phương ngày 01/9/2016.

Bị tạm giữ ngày 07/01/2019 đến ngày 16/01/2019 chuyển tạm giam; có mặt.

***-Người làm chứng:***

1. Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1988 (Vắng mặt);
  2. Anh Trần Văn L, sinh năm 1989 (Vắng mặt);
- Người chứng kiến*: Bà Đào Thị Khăn, sinh năm 1983 (Vắng mặt);

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 15 phút ngày 07/01/2019, công an huyện Bắc Bình phối hợp cùng công an xã PL tiến hành kiểm tra tại quán cà phê Xanh Xưa thuộc thôn 01, xã PL, huyện BB, tỉnh Bình Thuận phát hiện Lê Văn T đang ngồi uống cà phê cùng Trần Hữu T1 (tên gọi khác: T2), sinh năm 1987; Nguyễn Đình H (tên gọi khác: TG), sinh năm 1988 cùng ở thôn 1, xã Sông Lũy, huyện Bắc Bình và Trần Văn L (tên gọi khác: T), sinh năm 1989 ở thôn Hòn Mốc, xã SB, huyện Bắc Bình và phát hiện trên xe mô tô mang biển số 86B3-297.61 của Lê Văn T đang dựng trước quán cà phê Xanh Xưa có 01 cái áo khoác jean màu xanh, bên trong áo khoác có 01 bịch nylon màu vàng, trong bịch nylon có 01 tờ giấy cuộn tròn, bên trong tờ giấy có thân lá thảo mộc khô và 01 (một) con dao bấm màu đen, T khai nhận đó là Cần sa mua dùm cho Trần Hữu T1. Công an huyện Bắc Bình đã tiến hành lập biên bản vi phạm pháp luật quả tang, thu giữ và niêm phong 01 (Một) bịch nylon vàng bên trong có chứa cuộn giấy bọc thảo mộc khô gửi giám định; ngoài ra công an còn thu giữ các tang vật chứng gồm:

Thu giữ của Lê Văn T: 01 (Một) điện thoại di động hiệu samsung, màu hồng, số Imel: 359046/08/448348/6, tiền mặt trị giá 1.569.000 đồng; 01 (Một) áo khoác Jean màu xanh, 01 (Một) con dao bấm màu đen; 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha gắn biển số 86B3-297.61, màu cam-đen-trắng;

Thu giữ của Trần Hữu T1: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Masstel màu trắng-đen, số Imel: 352121089251464.

Tại Bản kết luận giám định số 31/KLGD-PC09 ngày 11/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận kết luận: 01 (Một) hộp giấy được niêm phong còn nguyên vẹn, bên trong hộp giấy có 01 (một) bịch nylon màu vàng, bên trong có 01 (Một) tờ giấy được cuộn tròn, bên trong chứa thảo mộc (ký hiệu M); Mẫu M gửi giám định là Cần sa, có khối lượng 67,1258 gam.

Quá trình điều tra, Lê Văn T khai nhận nguồn gốc số Cần sa này là T mua từ người tên Hưng (không rõ nhân thân cụ thể). Vào sáng ngày 06/01/2019, Trần Hữu T1 gọi cho T hỏi T có hàng không (tức là có Cần sa không) lấy cho T1

1.000.000 đồng. T hẹn T1 bao giờ có thì liên hệ lại. Sau đó, T gọi điện thoại cho người tên Hưng hỏi có Cần sa không thì Hưng nói có và hẹn đến cột mốc ở quốc lộ 28B ở khu vực đất 04 lấy Cần sa. Sau khi gọi cho Hưng, T gọi lại cho T1 và hẹn ngày 07/01/2019 gặp T để lấy Cần Sa. T điều khiển xe mô tô gắn biển số 86B3-297.61 đến lấy bạch cần sa, sau khi đã lấy được bạch cần sa, T gọi cho Hưng xác nhận và Hưng nói giá gói cần sa là 500.000 đồng, T giấu bạch Cần sa vào bụi cây gần nhà nghỉ Phương Trang rồi chạy xe đến quán cà phê Xanh Xưa.

Đến quán cà phê Xanh Xưa, T gọi điện thoại cho T1 hẹn đến quán cà phê, 10 phút sau T1 đến, lúc này ngoài T còn có Nguyễn Đình H và Trần Văn L, T hỏi T1 có tiền mua Cần sa chưa thì T1 trả lời là chưa có. T1 ngồi một lúc thì T1 mượn xe mô tô của T chạy đi mượn tiền, 10 phút sau thì quay lại gọi T ra ngoài và giao 1.000.000 đồng. T nhận tiền thì điều khiển xe của T đến nơi cất giấu Cần sa lấy bạch Cần sa và để trên ba ga xe mô tô và quay lại quán cà phê Xanh Xưa để đưa cho T1. T nói T1 ra lấy Cần sa nhưng T1 nói từ từ lấy nên T dùng áo khoác Jean bọc gói Cần sa lại vẫn để trên ba ga xe mô tô và đi vào quán tiếp tục uống cà phê. Khoảng 05 phút sau thì lực lượng công an kiểm tra và phát hiện Cần sa trên ba ga xe của T.

Ngoài lần bán ma túy vào ngày 07/01/2019, T khai nhận trước thời điểm này, vào ngày 28/12/2018, T1 hỏi mua Cần sa từ T, T nhận Cần sa từ Hưng và giao cho T1. T1 đưa cho T 400.00 đồng, T nhận tiền từ T1 và đưa cho người tên Hưng 400.000 đồng trả tiền Cần sa thì Hưng cho lại T 200.000 đồng. Tổng số tiền T thu từ việc 02 lần bán ma túy từ T1 là 1.400.000 đồng.

Toàn bộ Cần sa mà T 02 lần giao cho T1 vào các ngày 28/12/2018 và 07/01/2019 T đều khai là lấy từ người tên H1, T có cung cấp đặc điểm hình dạng và thông tin cho cơ quan điều tra, cơ quan điều tra tiến hành xác minh theo thông tin trên và mời Mai Quốc H1 tham gia đối chất nhưng T xác định không phải người tên H1 bán ma túy cho T. Ngoài người tên Mai Quốc H1, cơ quan điều tra không tìm được người nào tên Hưng phù hợp với đặc điểm mà T cung cấp.

Trần Hữu T1 có lời khai xác nhận có 02 lần hỏi mua Cần sa từ T. Lần thứ nhất là vào ngày 28/12/2018, T1 nhận Cần sa từ T và T1 đưa cho T 400.000 đồng. Lần thứ 2 là ngày 07/01/2019, T1 đưa cho T 1.000.000 đồng, chưa kịp lấy Cần sa từ T thì bị công an thu giữ trên xe của T. Tổng cộng 02 lần T1 đưa cho T 1.400.000 đồng để mua Cần sa.

Nguyễn Đình H có lời khai: Khoảng 10 giờ ngày 07/01/2019, H đến quán cà phê Xanh Xưa để uống nước cùng T và Lợi, sau đó có T1 đến. H không biết gì về việc trao đổi mua Cần sa giữa T và T1.

Trần Văn L có lời khai: Lợi có uống cà phê tại quán cà phê cùng T, H và T1, L vào trưa ngày 07/01/2019, L có đưa cho T 500.000 đồng trả công vì giúp Lợi mua được vườn cây. Lợi không biết việc trao đổi mua bán Cần sa giữa T với T1.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình giữ nguyên quan điểm tại bản cáo trạng số: 46/CT-VKS.HBB ngày 28 tháng 8 năm 2019 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm b, q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; đề nghị tuyên phạt bị cáo Lê Văn T từ 08 năm đến 09 năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị xử lý tang, vật chứng của vụ án như sau:

- Tịch thu tiêu hủy đối với: 01 (Một) bịch nylon màu vàng, 01 tờ giấy và 17,7351 gam mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 31, 01 (Một) áo khoác Jean màu xanh, 01 (Một) con dao bấm màu đen;

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu samsung, màu trắng, hồng nhạt, số Imel 359046/08/448348/6, tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 1.400.000 đồng thu lợi từ việc bán ma túy.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 169.000 đồng của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa, sau khi được giải thích về pháp luật, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đồng ý với luận tội của vị đại diện viện kiểm sát, bị cáo không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo mong hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm quay về với gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BB, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn T không có ý kiến, cũng như không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Bị cáo Lê Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đang có tiền án về tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy*” đã 02 lần thực hiện hành vi bán ma túy cho Trần Hữu T1. Lần thứ nhất, vào ngày 28/12/2018, Lê Văn T bán ma túy (Cần sa) cho Trần Hữu T1 thu lợi số tiền

400.000 đồng; lần thứ hai, vào ngày 07/01/2019 khi Lê Văn T đã nhận 1.000.000 đồng của T1 nhưng chưa kịp giao Cần sa cho T1 thì bị phát hiện và bắt giữ. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” với các tình tiết định khung tăng nặng “*Phạm tội nhiều lần*” và “*Tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm b, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy, cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo khai lấy ma túy từ người tên Hưng, cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không tìm được người tên Hưng như bị cáo mô tả cho nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính về toàn bộ về hành vi và hậu quả do mình gây ra. Bị cáo biết rõ ma túy là chất do nhà nước độc quyền quản lý, mọi hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy đều là hành vi trái pháp luật và sẽ bị xử lý theo quy định nhưng vì háms lợi mà bị cáo vẫn bất chấp pháp luật thực hiện. Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước mà còn là nguyên nhân làm phát sinh những tội phạm khác. Bị cáo từng bị xét xử về tội này, sau khi chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo không tu dưỡng bản thân, trở thành công dân tốt cho xã hội mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần áp dụng cho bị cáo một mức án nghiêm khắc nhằm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo không nhận tội, nhưng tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố là đúng, việc từ đầu, bị cáo khẳng định chỉ mua dùm Cần sa chứ không phải bán Cần sa xuất phát từ trình độ văn hóa thấp, hạn chế về mặt nhận thức pháp luật, sau khi được Hội đồng xét xử giải thích pháp luật, bị cáo đã hiểu và nhận tội. Cho nên, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 khi lượng hình đối với bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tình tiết “*Tái phạm nguy hiểm*” đã được áp dụng là tình tiết định khung nên không áp dụng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Đối với người tên Hưng bán ma túy cho T, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau là đúng quy định pháp luật.

[7] Đối với Trần Hữu T1 là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy nên cơ quan công an có công văn đề nghị chính quyền địa phương xử phạt hành chính là đúng quy định pháp luật.

[8] Đối với Nguyễn Đình H và Trần Văn L không biết gì việc mua bán ma túy của Lê Văn T nên không có căn cứ xem xét là đúng quy định pháp luật.

[9] Về tang, vật chứng của vụ án:

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu samsung, màu hồng, số Imel: 359046/08/448348/6 là phương tiện Lê Văn T dùng vào việc liên lạc để bán ma túy nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- 01 tờ giấy và 17,7351 gam mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 31 vật nhà nước cầm lưu hành, 01 (Một) bịch nylon màu vàng, 01 (Một) áo khoác Jean màu xanh, 01 (Một) con dao bấm màu đen là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với số tiền 1.569.000 đồng, trong đó có 1.000.000 đồng là tiền bị cáo vừa bán ma túy cho Trần Hữu T1, đây là tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. Số tiền 569.000 đồng là tiền riêng của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha màu cam-đen-trắng là của chị Nguyễn Thị Thu H, Lê Văn T tự ý lấy dùng vào việc phạm tội, chị Hằng không biết nên giao trả cho Nguyễn Thị Thu H là đúng quy định pháp luật.

- Biển số 86B3-297.61 là biển số xe của anh Dương Hùng Châu nên giao trả cho anh Châu là đúng quy định pháp luật;

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Masstel màu trắng-đen, số Imeil: 352121089251464 của Trần Hữu T1 không liên quan đến vụ án nên chuyển kèm hồ sơ để chính quyền địa phương xử lý hành chính là đúng quy định pháp luật.

[9] Số tiền 400.000 đồng T bán ma túy cho T1 vào ngày 28/12/2018 là tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên buộc T nộp lại vào ngân sách nhà nước.

[10] Luận tội và đề nghị của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật;

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào: Điểm b, q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015;

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”,

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07 tháng 01 năm 2019.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; các điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động hiệu samsung, màu hồng, số Imel: 359046/08/448348/6;

- Tịch thu, tiêu hủy đối với: 01 (Một) bịch nylon màu vàng, 01 tờ giấy và 17,7351 gam mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 31, 01 (Một) áo khoác Jean màu xanh, 01 (Một) con dao bấm màu đen.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Bắc Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình ngày 09/9/2019)*

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000 đồng. Trả lại cho Lê Văn T số tiền 569.000 đồng. *(Theo giấy nộp tiền vào tài khoản chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Bình tại kho bạc nhà nước ngày 17/7/2019).*

- Buộc Lê Văn T nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 400.000 đồng.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/9/2019).

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Bắc Bình;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Công an huyện Bắc Bình;
- Bị cáo;
- Chi cục THADS huyện Bắc Bình;
- Lưu: V.P, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Võ Tấn Sinh**